TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2022/DS-PT
Ngày 01/7/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn khảo sát địa chất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà.

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn khảo sát địa chất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Giao thông A

Địa chỉ: Số 348 L, khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Hiếu, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

- *Bị đơn*: Bưu điện tỉnh CM

Địa chỉ: Số 03 L, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Chiến, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng Hưởng, chức vụ: Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh CM (có mặt) và ông Trần Văn Na, chức vụ: Nhân viên Đầu tư - XDCB Phòng Kế hoạch Kinh doanh Bưu điện tỉnh CM (có mặt). Theo văn bản ủy quyền số 10108/GUQ-BĐCM ngày 30/6/2022.

- *Người kháng cáo*: Bưu điện tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Trần Văn Hiếu trình bày:* Ngày 08/01/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn xây dựng và giao thông A (gọi tắt là Công ty A) với Bưu điện tỉnh CM ký hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV tư vấn khảo sát địa chất công trình làm nhà Bưu điện huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Công ty A đã thực hiện xong khối lượng công việc đúng theo hợp đồng mà hai bên ký kết. Cụ thể: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc theo hợp đồng đề nghị thanh toán (phụ lục 3a), Biên bản thanh lý hợp đồng năm 2016 và hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 01/10/2019 Bưu điện tỉnh CM mời Công ty A thỏa thuận với nội dung: Do địa phương điều chỉnh quy hoạch nên dự án không được triển khai, để có kinh phí thanh toán chi phí theo hợp đồng thì Công ty A phải thanh lý hợp đồng với giá trị 0 đồng. Giám đốc Bưu điện tỉnh hứa cuối năm 2019 sẽ thanh toán cho Công ty A, Công ty A đồng ý ký vào Biên bản thanh lý hợp đồng.

Từ đó đến nay, Công ty A đã nhiều lần gửi Giấy đề nghị thanh toán số tiền trên nhưng phía Bưu điện tỉnh không thực hiện. Nay ông Hiếu yêu cầu Bưu điện tỉnh CM thanh toán cho Công ty A số tiền theo giá trị hợp đồng là 226.759.000 đồng và tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2022 là 184.954.000 đồng, tổng cộng là 411.713.000 đồng.

Ngày 16/02/2022, Công ty A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Bưu điện tỉnh CM thanh toán cho Công ty A số tiền theo giá trị hợp đồng là 226.759.000 đồng, tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2022 là 184.954.000 đồng và tiền chi phí tạm ứng án phí 10.234.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Bưu điện tỉnh CM thanh toán cho Công ty A tổng số số tiền 411.713.000 đồng.

Ông Trần Trọng Hưởng trình bày: Giữa Bưu điện tỉnh CM với Công ty A có ký hợp đồng và ký các biên bản thanh lý như ông Hiếu trình bày là đúng. Căn cứ vào Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/10/2019 thể hiện có giá trị 0 đồng, do đơn vị khảo sát thực hiện không phù hợp với quy hoạch của địa phương nên Bưu điện tỉnh CM không còn nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A. Do đó, Bưu điện tỉnh CM không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Toà án nhân dân Thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng và Giao thông A. Buộc bị đơn Bưu điện tỉnh CM phải thanh toán cho nguyên đơn tổng với số tiền 395.478.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/3/2022, bị đơn là Bưu điện tỉnh CM có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng nguyên đơn khảo sát tư vấn địa

chất không phù hợp với quy hoạch của địa phương nên dự án không được triển khai và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/10/2019 thể hiện có giá trị 0 đồng. Do đó, bị đơn không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu Tòa cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận buộc trả số nợ gốc thì yêu cầu sửa án theo hướng xem xét lại phần lãi chậm thanh toán án sơ thẩm tính từ ngày 01/01/2017 là chưa chính xác, yêu cầu tính lãi từ ngày nhà thầu là Công ty A xuất hóa đơn là ngày 06/3/2018. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện bị đơn Bưu điện tỉnh CM vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, chấp nhận kháng cáo của Bưu điện tỉnh CM, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng điều chỉnh lại phần lãi suất chậm trả tính từ ngày 06/3/2018 đến ngày 28/02/2022 là 129.572.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 356.331.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung yêu cầu theo đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Phía bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn với lý do nguyên đơn khảo sát tư vấn địa chất không phù hợp với quy hoạch của địa phương nên dự án không được triển khai và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/10/2019 thể hiện có giá trị 0 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ: Ngày 08/01/2016 giữa Công ty A với Bưu điện tỉnh CM ký hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV về việc tư vấn khảo sát địa chất công trình làm nhà Bưu điện huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Tại biên bản thanh lý hợp đồng năm 2016 (không ngày, tháng) thể hiện *"Công ty TNHH Tư vấn xây dựng & Giao thông A đã tổ chức thực hiện hoàn tất khối lượng công việc đúng theo yêu cầu trong hợp đồng mà hai bên đã ký. Giá trị nghiệm thu và Thanh lý là 226.759.000 đồng"*. Tại biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/10/2019 thể hiện *" – Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B: Số tiền bên A thanh toán cho bên B số tiền 0 đồng (Bằng chữ: không đồng)"*. Ông Trần Văn Hiếu xác định trước khi ký vào bản thanh lý hợp đồng do Giám đốc Bưu điện tỉnh CM hứa cuối năm 2019 sẽ làm thủ tục thanh toán cho Công ty A nên ông Hiếu đã ký vào biên bản thanh lý hợp đồng nêu trên nhưng thực tế Bưu điện tỉnh CM chưa thanh toán khoản tiền nào cho Công ty A. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, người đại

diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận từ đó đến nay bị đơn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn.

[2] Tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng nêu trên thể hiện: "5.1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong biên bản thương thảo hợp đồng của các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

b) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước;

c) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng".

Thực tế, phía bị đơn thừa nhận nguyên đơn đã thực hiện hoàn thành công tác khảo sát địa chất đúng với vị trí khoan do chủ đầu tư là bị đơn bàn giao ngoài hiện trường và phù hợp với biên bản bàn giao hố khoan tháng 11/2016 được chủ đầu tư và giám sát khảo sát của chủ đầu tư kết luận: " Kết quả khảo sát công trình đạt yêu cầu. Chấp nhận nghiệm thu".

Xem xét nội dung hợp đồng và các tài liệu như đã nhận định trên thì nhiệm vụ của nguyên đơn được xác định là "Tư vấn khảo sát địa chất công trình ". Quá trình giải quyết và tại phiên tòa phía bị đơn xác định nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng đã ký kết thể hiện tại biên bản thanh lý hợp đồng năm 2016. Như vậy, việc thay đổi quy hoạch, dự án không thuộc trách nhiệm của nguyên đơn nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của Bưu điện tỉnh CM không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo về thời gian tính lãi chậm thanh toán, bị đơn cho rằng căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000344 của Công ty A phát hành ngày 06/3/2018 chứng minh được chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu là từ ngày 06/3/2018 nên khoản lãi phạt chậm thanh toán phải tính từ thời gian xuất hóa đơn. Do đó, bị đơn không đồng ý số tiền lãi như án sơ thẩm tuyên buộc tính từ ngày 01/01/2017. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV thể hiện: "Hồ sơ thanh toán gồm: Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng]; Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Đề nghị thanh toán". Tại hồ sơ thanh toán ghi trong Hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV hoàn toàn không yêu cầu phải có hóa đơn giá trị gia tăng.

Hồ sơ thanh toán nguyên đơn gửi đến Chủ đầu tư ngày 22/12/2016 gồm: Biên bản thanh lý hợp đồng và giấy đề nghị thanh toán ngày 22/12/2016 là đã đầy đủ đúng với quy định ký kết giữa các bên theo khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng. Việc

bị đơn cho rằng phải tính lãi chậm thanh toán từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán là ngày phát hành hóa đơn GTGT số 0000344 là không đúng với quy định được thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng. Trên thực tế, sau khi nhận hồ sơ thanh toán hợp lệ, nếu phía bị đơn có thiện chí trả nợ thì yêu cầu phía nguyên đơn xuất hóa đơn để thanh toán nợ đúng hạn. Tuy nhiên, hồ sơ hoàn toàn không có chứng cứ gì thể hiện việc này và bị đơn cũng xác định từ khi nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT đến nay thì bị đơn vẫn chưa thanh toán được khoản tiền nào cho nguyên đơn. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu tính thời gian chậm thanh toán từ ngày 06/3/2018.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là Bưu điện tỉnh CM cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm như đã nhận định. Do vậy, không có cơ sở xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định như đã nêu trên, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bưu điện tỉnh CM, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bưu điện tỉnh CM.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng và Giao thông A. Buộc bị đơn Bưu điện tỉnh CM phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 395.478.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Số tiền chênh lệch nguyên đơn không được chấp nhận là 16.235.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu 19.774.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 812.000 đồng. Ngày 30/11/2021 nguyên đơn đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 10.234.000 đồng theo biên lai thu số 0000698 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, số tiền còn lại 9.422.000 đồng trả lại cho nguyên đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bưu điện tỉnh CM phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0001167 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng